

Bản án số: 08/2022/KDTM-PT
Ngày: 22-4-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Dung

- **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Quyến

Bà Lê Thị Minh Trang

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Lam Điền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2021/TLPT.KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-PT ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Do bản án sơ thẩm số 21/2021/KDTM.ST ngày 16/01/2021 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, có kháng cáo, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng A**

Trụ sở: số 89 L, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: 52-54 T1, phường C1, quận N1, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí E – Chủ tịch HĐQT quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Võ Phước S (có mặt)

Địa chỉ: tầng 5, số 49 C2, P. A1, quận B1, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn: Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận B**

Địa chỉ: 12/16 T2, P. A2, Q. N1, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Thái Hữu C** – Giám đốc (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Thái Hữu C, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: số 02 ấp G, thị trấn O, huyện M, tỉnh Hậu Giang.

Ông **Lương Vĩnh D**, sinh năm 1978 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: số 69 N, phường X, quận N1, thành phố Cần Thơ.

Ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1964 (*có mặt*)

Địa chỉ: số 428, Quốc lộ 1A, thị trấn C2, huyện C3, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trọng T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký các Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/CTO/16/0028/HDNT ngày 22/4/2016; Hợp đồng tín dụng số: SME/CTO/16/0028/HDTD-01 ngày 22/4/2016; Hợp đồng tín dụng số: SME/CTO/16/0028/HDTD-02 ngày 10/5/2016 và Hợp đồng tín dụng số: SME/CTO/16/0048/HDTD ngày 15/7/2016. Vay tổng số tiền là 1.980.462.000 đồng; mục đích vay: mua xe; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất 10,95%/năm. Riêng đối với Hợp đồng tín dụng số: SME/CTO/16/0048/HDTD ngày 15/7/2016, với lãi suất 7,5%/năm. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bị đơn đã ký các hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/CTO/16/0048/HDTC ngày 15/7/2016; số SME/CTO/16/0018/HDTC ngày 22/4/2016 và ngày 10/5/2016 thế chấp gồm các tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG, biển số 65C-067.12; 01 Sơ mi rơ moóc, biển số 65R-002.46; 01 sơ mi rơ moóc, biển số 65R-002.28; 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40; 01 sơ mi rơ moóc, biển số 65R-003.02.

Và bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của ông Thái Hữu C và ông Lương Vĩnh D theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/16/0028/HDBL ngày 22/4/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/CTO/16/028/HDBL-01 ngày 10/5/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay của Công ty chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 26/02/2018 và chịu lãi suất quá hạn. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn, Công ty đã bàn giao các tài sản gồm: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG, biển số 65C-067.12; 01 sơ mi rơ moóc, biển số 65R-002.28; 01 sơ mi rơ moóc, biển số 65R-003.02. Sau khi bàn giao, Ngân hàng đã xử lý tài sản trừ vào số tiền Công ty nợ. Tính đến ngày 16/6/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền: 1.391.992.534 đồng (Trong đó: nợ gốc là 817.981.699 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là: 545.621.500 đồng và lãi chênh lệch (tức lãi ưu đãi): 28.389.335 đồng.

Kể từ ngày 17/6/2021, bị đơn còn phải chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng các bên ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ. Trong trường hợp không trả được nợ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Gồm các tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46 và đề nghị ông T bàn giao 02 tài sản trên để xử lý.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thì yêu cầu ông Thái Hữu C và ông Lương Vĩnh D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng.

*** Ông Thái Hữu C trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về việc giữa Công ty B và Ngân hàng đã ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và hợp đồng bảo lãnh. Số tiền vay, lãi suất và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông thống nhất việc Công ty đã bàn giao 03 tài sản thế chấp cho Ngân hàng gồm: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG, biển số 65C-067.12; 01 sơ mi rơ mooc, biển số 65R-002.28; 01 sơ mi rơ mooc, biển số 65R-003.02. Hiện nay còn 02 tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46 đứng tên Công ty B hiện do ông Nguyễn Trọng T đang quản lý, sử dụng. Ông thống nhất việc Công ty còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 1.391.992.534 đồng (Trong đó: nợ gốc là 817.981.699 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là: 545.621.500 đồng và lãi chênh lệch (tức lãi ưu đãi) là 28.389.335 đồng). Ông đồng ý tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Các tài sản thế chấp do Công ty B và ông Nguyễn Trọng T đã cùng góp vốn mua. Đã giao cho Ngân hàng 03 tài sản, còn lại 02 tài sản như Ngân hàng trình bày. Đề nghị ông T giao 02 tài sản để Ngân hàng xử lý. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc ông T yêu cầu ông phải giao số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng góp vốn để ông T giao 02 tài sản cho Ngân hàng xử lý. Bởi các bên thỏa thuận góp vốn ngoài số tiền mặt 500.000.000 đồng của mỗi bên thì Công ty B phải đứng ra vay Ngân hàng số tiền còn thiếu để đủ mua 05 tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng với số tiền 1.980.462.000 đồng. Vấn đề này các bên có thỏa thuận trong Hợp đồng góp vốn. Hiện nay Công ty B phải chịu khoản nợ vay của Ngân hàng. Nếu ông T chịu giao tài sản sớm hơn sẽ không nợ Ngân hàng nhiều như vậy. Ông đồng ý tách vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn giải quyết riêng.

*** Ông Nguyễn Trọng T trình bày:** Ông thừa nhận ông đang quản lý tài sản thế chấp gồm 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rô móc, biển số 65R-002.46 tại Nhà máy điện mặt trời tại Cột gió 150, huyện Vĩnh Hảo, tỉnh Ninh Thuận. Ông không đồng ý giao 02 tài sản trên cho Ngân hàng và Công ty B xử lý tài sản thế chấp. Do ông có vốn góp tiền mặt 500.000.000 đồng có hợp đồng góp vốn hai bên để mua 05 tài sản đứng tên quyền sở hữu Công ty B đã thế chấp cho Ngân hàng A, chính ông C giao 01 xe và 01 Rơ móc cho ông quản lý sau khi làm ăn không hiệu quả, phần còn lại ông C quản lý. Ông thừa nhận trong hợp đồng góp vốn ông và Công ty B có thỏa thuận vay thêm để mua tài sản thế chấp nhưng do Công ty B đứng ra vay, ông không biết khoản nợ vay này, ông không liên quan. Ông đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn và đồng ý tách vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn ra giải quyết riêng với vụ kiện này.

*** Ông Lương Vĩnh D trình bày:** Ông thừa nhận đã ký hợp đồng bảo lãnh với Công ty B vay tiền Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng để mua xe. Sau khi ông nghỉ việc ở Công ty, ông có bàn giao lại tài sản và tiền cho Công ty. Sau đó có hợp tác làm ăn với Công ty, phía Công ty nợ ông 300.000.000 đồng. Khi ông thu hồi nợ, phía ông C đại diện Công ty cho rằng số tiền đó để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó, ông không thu hồi nợ nữa. Về phần tài sản giữa ông T và Công ty, ông thống nhất lời trình bày của Công ty B. Do đã ký hợp đồng bảo lãnh vay Ngân hàng nên ông sẽ có trách nhiệm trong việc thanh toán nợ vay. Do phần lãi phát sinh do giữa công ty và ông T tranh chấp dẫn đến phát sinh. Ông không đồng ý thanh toán phần lãi phát sinh này. Về trách nhiệm phân chia, ông và Công ty B sẽ phân chia trách nhiệm sau.

Tại phiên tòa;

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền: 1.391.992.534 đồng (Trong đó nợ gốc là 817.981.699 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 16/6/2021 là 545.621.500 đồng và lãi chênh lệch (*tức lãi ưu đãi*) 28.389.335 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 17/6/2021, bị đơn còn phải chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng các bên ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng. Khi bị đơn thanh toán nợ cho Ngân hàng, phía ngân hàng sẽ xem xét giảm một phần lãi cũng như lãi chênh lệch cho bị đơn.

Trong trường hợp không trả được nợ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Các tài sản gồm: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-

073.40 và 01 Sơ mi rơ móc, biển số 65R-002.46 đứng tên Công ty B và đề nghị ông T bàn giao 02 tài sản trên để xử lý.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thì yêu cầu ông Thái Hữu C và ông Lương Vĩnh D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng.

- Ông Thái Hữu C thống nhất và thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền trên . Đối với tài sản thế chấp đứng tên Công ty B hiện nay do ông T quản lý đề nghị ông T giao lại cho Công ty B để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vấn đề góp vốn giữ Công ty và ông T đã tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

- Ông Nguyễn Trọng T vẫn giữ ý kiến về việc không đồng ý giao 02 tài sản gồm 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móc, biển số 65R-002.46 đứng tên Cty B để xử lý trả nợ cho Ngân hàng. Vì 02 tài sản trên có phần vốn góp của ông với số tiền mặt 500.000.000 đồng và một phần vốn vay ngân hàng để mua 05 tài sản đã bàn giao cho Ngân hàng 03 tài sản. Công ty B có trách nhiệm với khoản vay này, ông không liên quan. Ông thừa nhận ông đang quản lý 02 tài sản trên tại Nhà máy điện mặt trời tại cột gió 150, huyện Vĩnh Hảo, tỉnh Ninh Thuận. Ông quản lý nhưng không khai thác được do không có giấy lưu hành của Ngân hàng. Ông đồng ý tách vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa ông và Cty B ra giải quyết thành vụ kiện khác.

- Ông Lương Vĩnh D thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn. Ông thừa nhận đã ký bảo lãnh toàn bộ khoản nợ vay của Công ty B. Ông đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ cùng với ông C trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng. Việc thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm trả bao nhiêu tiền cụ thể giữa ông và ông C sẽ tự thỏa thuận riêng bên ngoài. Theo ông được biết giữa ông C và ông T có thỏa thuận riêng là ông C có giao 02 tài sản thế chấp cho ông T khai thác (do ông T là tài xế của Công ty) nên ông T phải có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 01/01/2018 nhưng ông T không thực hiện. Ông đã cùng với Công ty B thỏa thuận việc trả lãi cho Ngân hàng. Cụ thể, ông sẽ trình bày chi tiết hơn và cung cấp chứng cứ trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa ông T và Công ty B. Còn việc ông T trình bày không có giấy phép lưu hành là không đúng. Ông T vẫn đang kiểm hoạt động bình thường.

Tại bản án sơ thẩm số 21/2021/KDTM.ST ngày 16/01/2021 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

- Buộc bị đơn Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận B trả cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền là 1.391.992.534 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*), trong đó, nợ gốc là 817.981.699 đồng (*Tám trăm mười bảy triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*); nợ lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 16/6/2021 là 545.621.500 đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng*) và lãi chênh lệch (*tức lãi ưu đãi*) là 28.389.335 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng*).

- Kể từ ngày 17/6/2021 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Ghi nhận ý kiến nguyên đơn sẽ xem xét giảm một phần lãi cũng như lãi chênh lệch cho bị đơn trong giai đoạn thi hành án.

- Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm các tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46 đứng tên Công ty B.

- Buộc ông Nguyễn Trọng T giao các tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46 đứng tên Công ty B hiện do ông T đang quản lý tại Nhà máy điện mặt trời tại - Cột gió 150, huyện Vĩnh Hảo, tỉnh Ninh Thuận cho bị đơn để bị đơn thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì ông Thái Hữu C và ông Lương Vĩnh D cùng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho nguyên đơn theo các hợp đồng bảo lãnh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 28/6/2021 ông Nguyễn Trọng T có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm phần buộc ông giao các tài sản để thu hồi nợ, vì ông và ông Thái Hữu C trước hùn mua tài sản đã chia các tài sản ra, ngân hàng đã phát mãi tài sản của ông C để trừ nợ, còn lại tài sản của ông không liên quan đến ngân hàng. Không xem xét Hợp đồng góp vốn mua tài sản giữa ông với ông C.

*** Quan điểm đề nghị của kiểm sát viên:**

- *Về thủ tục tố tụng:*

Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do bị đơn không thực hiện được việc trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móc, biển số 65R-002.46 do ông tài đang giữ. Tài sản này do công ty đứng tên được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp, nên ông Nguyễn Trọng T có trách nhiệm giao lại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móc, biển số 65R-002.46 cho bị đơn để bị đơn thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn là đúng, kháng cáo của ông T là không có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo và y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận B (gọi tắt là Cty B) có ký kết các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Mục đích vay mua xe kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng, Cty B không thực hiện theo đúng theo thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện. Bị đơn có trụ sở tại quận Ninh Kiều nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền nợ gốc và nợ lãi còn nợ nguyên đơn, bản án tuyên số tiền phải trả nợ các đương không kháng cáo nên không cần xem xét lại.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T về việc không đồng ý giao 02 tài sản mà ông đang quản lý chờ giải quyết hợp đồng hùn vốn giữa ông với ông C, thấy rằng:

Để bảo đảm cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký các hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/CTO/16/0048/HDTC ngày

15/7/2016; số SME/CTO/16/0018/HDTC ngày 22/4/2016 và ngày 10/5/2016 gồm các tài sản: 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG, biển số 65C-067.12; 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46; 01 sơ mi rơ mooc, biển số 65R-002.28; 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40; 01 sơ mi rơ mooc, biển số 65R-003.02. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp đối với các tài sản theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Công ty đã giao 03 tài sản để ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

Riêng đối với 02 tài sản thế chấp còn lại gồm: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46 đứng tên Công ty B thế chấp cho Ngân hàng, hiện nay do ông Nguyễn Trọng T đang quản lý tại Nhà máy điện mặt trời tại Cột gió 150, huyện Vĩnh Hảo, tỉnh Ninh Thuận, nhưng Công ty B thế chấp cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp đúng quy định pháp luật, do đó khi bị đơn không thanh toán nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng qui định.

Hơn nữa tài sản thế chấp này các đương sự trình bày có một phần vốn góp của ông Nguyễn Trọng T và của bị đơn, phần còn lại là phần tiền vay của Ngân hàng để mua các tài sản thế chấp nhưng các bên đã phát sinh tranh chấp, có yêu cầu và thống nhất tách quan hệ góp vốn ra xử lý thành vụ án khác nên Tòa án đã tách vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa ông T với bị đơn ra giải quyết thành vụ kiện khác theo Quyết định tách vụ án số 02/2021/QĐ-ST ngày 06/4/2021.

Nhận thấy, các tài sản trên đứng tên Công ty B và đã thế chấp cho nguyên đơn mà ông tài đang quản lý tài sản này nên khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải có trách nhiệm thực hiện theo Hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Do đó, việc ông T cho rằng ông có phần vốn góp trong tài sản Cty B đứng tên thế chấp, không đồng ý giao tài sản cho nguyên đơn và bị đơn xử lý là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác tại tòa sơ thẩm các bên thừa nhận việc góp vốn đã được tách ra giải quyết thành vụ án khác được tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận, vì vậy không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T, y án sơ thẩm.

Nhận thấy, các tài sản trên đứng tên Công ty B và đã thế chấp cho nguyên đơn nên khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải có trách nhiệm thực hiện theo Hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất đề nghị ông T giao tài sản để xử lý là phù hợp.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nên ông T phải nộp án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của ông Nguyễn Trọng T.
- Về nội dung: Bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Trọng T giao các tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô đầu kéo, biển số 65C-073.40 và 01 Sơ mi rơ móoc, biển số 65R-002.46 đứng tên Công ty B hiện do ông T đang quản lý tại Nhà máy điện mặt trời tại - Cột gió 150, huyện Vĩnh Hảo, tỉnh Ninh Thuận cho bị đơn để bị đơn thực hiện nghĩa vụ với nguyên đơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ông Nguyễn Trọng T phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000đ. Chuyển số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001164 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án quận Ninh Kiều thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND quận Ninh Kiều;
- VKS nhân dân TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Dung